TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 59/2020/QĐST- HNGĐ	*N, ngày 03 tháng 6 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 61/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020 giữa:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Lê Thị N, sinh năm 1997

Địa chỉ: Thôn Q 3, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- ***Bị đơn:*** Anh Đàm Văn T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn Q 2, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: - Các điều 55, 81,82, 83, 110 và điều 116 Luật hôn nhân và gia đình;

- Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 05 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 05 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị N và anh Đàm Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lê Thị N tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung hiện nay đang ở với chị N là cháu Đàm Ngọc D, sinh ngày 10/11/2018 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Đàm Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N là 1.500.000 đồng/ tháng kể từ tháng 6/2020 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Kể từ ngày chị Lê Thị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Đàm Văn T không thi hành hết số tiền cấp dưỡng nuôi con theo thỏa thuận thì hàng tháng anh Đàm Văn T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2.2. Về tài sản chung- công nợ chung: Hai bên đương sự xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lê Thị N nhận nộp toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Anh Đàm Văn T phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng chị Lê Thị N nhận nộp thay anh Đàm Văn T tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Lê Thị N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí ly hôn số AA/2018/0000439 ngày 18/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Ủy ban nhân dân xã S;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

NGUYỄN THỊ HƯƠNG QUỲNH